

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Cà Mau về chủ trương thành lập Quỹ an ninh, trật tự và tình hình, tổ chức, hoạt động của Ban bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-ĐGS, ngày 16/3/2020 của Đoàn giám sát thuộc Ban Pháp chế HĐND tỉnh về giám sát tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Cà Mau về chủ trương thành lập Quỹ an ninh, trật tự (viết tắt là Nghị quyết số 14) và tình hình tổ chức, hoạt động của Ban bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Công an tỉnh báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 14 trong năm 2019 và quý I năm 2020

1. Công tác quán triệt, chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện

Thực hiện Công văn số 10148/UBND-NC ngày 20/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14, Công an tỉnh đã chủ trì soạn thảo và tham mưu UBND tỉnh xây dựng Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019, ban hành Quy định về huy động, quản lý, sử dụng quỹ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau (viết tắt là Quyết định số 12).

Căn cứ Quyết định số 12, Giám đốc Công an tỉnh đã ban hành Công văn số 466/CAT-PV05 ngày 27/5/2019 để chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị có liên quan, Công an huyện, thành phố Cà Mau (có lực lượng Bảo vệ dân phố) quán triệt cho CBCS nắm, tổ chức thực hiện nghiêm túc.

2. Tình hình và kết quả chỉ đạo thực hiện

Các đơn vị có liên quan, Công an huyện, thành phố (có lực lượng Bảo vệ dân phố) đã hướng dẫn, chỉ đạo Công an xã, phường, thị trấn phối hợp các bộ phận có liên quan tham mưu UBND cùng cấp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác vận động, thu quỹ an ninh, trật tự theo quy định của Nghị quyết số 14 và Quyết định số 12, góp phần hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tuần tra, canh gác giữ gìn ANTT, an toàn xã hội của lực lượng Bảo vệ dân phố tại địa phương.

Qua theo dõi, 15 đơn vị xã, phường, thị trấn có lực lượng Bảo vệ dân phố đã tiến hành công tác vận động, thu quỹ an ninh, trật tự với cách thức chủ yếu là phân công lực lượng ở khóm, ấp (Tổ bảo vệ dân phố, CSKV) trực tiếp đến từng hộ gia đình, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đóng trên địa bàn để tuyên truyền, vận động. Nhìn chung đa số người dân đều đồng thuận với chủ trương vận động quỹ.

3. Việc tổ chức, kết quả huy động, công tác quản lý, sử dụng quỹ ANTT

Theo quy định của Quyết định số 12, các nội dung này thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

4.1. Thuận lợi

Phần lớn các hộ dân, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh được vận động đã đồng tình với chủ trương vận động thu quỹ an ninh, trật tự theo Nghị quyết số 14 và tự nguyện đóng góp. Điều này xuất phát từ công tác tuyên truyền, vận động trực tiếp và tinh thần chia sẻ, ủng hộ của các hộ dân, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đối với hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn.

4.2. Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân

Kết quả vận động, thu quỹ tại một số xóm, ấp còn thấp. Nguyên nhân là do chủ trương vận động đóng góp tự nguyện, nên ở một số xóm, ấp có điều kiện kinh tế khó khăn, người dân ít đóng góp; mặt khác, do công tác tuyên truyền, vận động, các hoạt động tuần tra, canh gác của lực lượng Bảo vệ dân phố hiệu quả chưa cao, nên một số người dân chưa đồng tình ủng hộ.

5. Đề xuất

Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau (có lực lượng Bảo vệ dân phố) quan tâm, tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả việc huy động, quản lý, sử dụng quỹ của UBND cấp xã đúng theo quy định.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã thường xuyên giám sát việc thu, chi quỹ trên địa bàn.

Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn (có lực lượng Bảo vệ dân phố) tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tăng cường chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, vận động để nhân dân đồng tình ủng hộ, tự nguyện đóng góp; đồng thời chỉ đạo làm tốt công tác quản lý, thu, chi quỹ an ninh, trật tự theo đúng quy định, gắn với tổ chức, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của lực lượng Bảo vệ dân phố, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác tuần tra, kiểm soát, phát hiện, xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm, góp phần đảm bảo ANTT tại các địa bàn dân cư.

II. Tình hình tổ chức, hoạt động của Ban bảo vệ dân phố trong năm 2018, 2019 và quý I năm 2020

1. Công tác tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện

Công an tỉnh tiếp tục chỉ đạo Công an các huyện, thành phố Cà Mau phối hợp với UBND phường, xã, thị trấn (có lực lượng Bảo vệ dân phố), thực hiện tốt việc quản lý, xây dựng lực lượng Bảo vệ dân phố theo đúng quy định của Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố (viết tắt là Nghị định số 38); Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01/3/2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38 (viết tắt là Thông tư liên tịch số 02);

Chỉ thị số 08/CT-BCA-V28, ngày 01/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an về “Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo vệ dân phố đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”; Kế hoạch số 199/KH-CAT-PV11 ngày 30/11/2016 của Giám đốc Công an tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-BCA-V28 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Đối với Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau (viết tắt là Nghị quyết số 09): Thực hiện Công văn số 3278/UBND-NC ngày 14/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 10/6/2019 gửi Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 09; ngày 18/6/2019, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 153/HĐND-TT về việc chưa thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết.

2. Tình hình tổ chức, số lượng Bảo vệ dân phố

Qua tổng hợp báo cáo của Công an các huyện, thành phố Cà Mau (có lực lượng Bảo vệ dân phố), tính đến ngày 31/3/2020, trên địa bàn tỉnh có tổng số 463 lực lượng Bảo vệ dân phố; có 15 Ban, 109 Tổ Bảo vệ dân phố. Trong đó: Trưởng ban: 15 đ/c; Phó trưởng ban: 21 đ/c; Tổ trưởng: 85 đ/c; Tổ phó: 65 đ/c; Tổ viên: 277 đ/c (Có danh sách kèm theo).

3. Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của lực lượng Bảo vệ dân phố

3.1. Công tác nắm tình hình về ANTT

Lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh, đa số làm nghề lao động tự do, (buôn bán, chạy xe ôm...) nên có điều kiện gần gũi với nhân dân trên địa bàn, từ đó kịp thời nắm bắt tình hình có liên quan đến ANTT, chủ động thông báo, phối hợp với các lực lượng chức năng giải quyết các vụ việc liên quan đến ANTT xảy ra trên địa bàn. Ngoài ra, qua công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, cảm hóa, giáo dục đối tượng, tuần tra, canh gác... lực lượng Bảo vệ dân phố đã chủ động nắm bắt và được cung cấp nhiều thông tin về ANTT, giúp địa phương chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác.

3.2. Công tác phối hợp quản lý đối tượng, quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội

Lực lượng Bảo vệ dân phố tích cực phối hợp, hỗ trợ Công an phường, xã, thị trấn nắm tình hình di biến động của các loại đối tượng, tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, các điểm hoạt động tệ nạn xã hội... Qua đó, giúp lực lượng Công an quản lý chặt các đối tượng, kịp thời đấu tranh, xử lý nghiêm theo quy định. Đặc biệt, đối với các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, lực lượng Bảo vệ dân phố đã tích cực phối hợp, giúp Công an phường, xã, thị trấn mời thử test nhanh hàng trăm đối tượng, kết quả đã xử phạt hành chính 165 đối tượng, lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh gần 300 đối tượng.

3.3. Công tác tuần tra kiểm soát và vận động nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo các phòng chuyên môn, Công an huyện, thành phố phân công cán bộ thường xuyên xuống địa bàn đơn đốc Công an xã, phường, thị trấn, Cảnh sát khu vực cùng với lực lượng Bảo vệ dân phố làm tốt công tác tuần tra, bảo đảm ANTT, nhất là vào ban đêm; kết hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng, chống, tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn ANTT ở cơ sở.

Trong năm 2018, 2019 và quý I năm 2020, lực lượng Bảo vệ dân phố đã phối hợp Công an xã, phường, thị trấn, Cảnh sát khu vực tuần tra hơn 1.000 cuộc, phát hiện, xử lý 309 vụ, 775 đối tượng (đánh bài, đá gà, số đề, gây rối trật tự công cộng, đánh nhau...), giải tán 112 trường hợp có biểu hiện tụ tập đánh nhau; phối hợp các ban, ngành, đoàn thể có liên quan vận động tháo dỡ 44 căn nhà lán chiếm hành lang lộ giới; phối hợp tổ chức hòa giải 395 vụ mâu thuẫn nhỏ trong nhân dân...

3.4. Công tác xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT

Lực lượng Bảo vệ dân phố đã tham gia cùng lực lượng Công an và các ban, ngành, đoàn thể xây dựng, nhân rộng các mô hình “Dân vận khéo” về ANTT, góp phần thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT ở địa phương, điển hình như: Mô hình “Câu lạc bộ nhà trọ an toàn” (thực hiện tại các phường 4,5,6,7,8,9 thuộc thành phố Cà Mau); mô hình “Tự phòng, tự quản, tự quản bảo vệ ANTT trong khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường” (thực hiện ở phường 1,2,8, Tân Thành, Tân Xuyên thuộc thành phố Cà Mau; mô hình “Khu dân cư an toàn; đường thông, hè thoáng” (thực hiện ở Phường 6, thành phố Cà Mau); mô hình “Khu dân cư an toàn, nói không với ma túy” thực hiện ở Khóm 2, Phường 8, thành phố Cà Mau...

Thông qua các mô hình đã tổ chức tuyên truyền cách phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trong cộng đồng dân cư; vận động nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, đoàn kết, chú trọng tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải trong khu dân cư, tích cực tố giác tội phạm, tệ nạn xã hội...

4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

4.1. Thuận lợi

HĐND và UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định về mức phụ cấp và quỹ an ninh, trật tự để bổ sung một phần kinh phí đảm bảo cho hoạt động tuần tra, canh gác của lực lượng Bảo vệ dân phố; cấp ủy, chính quyền một số địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt chế độ, chính sách và phần lớn lực lượng Bảo vệ dân phố đều nhiệt tình với công tác và được tập huấn nghiệp vụ.

Tổ chức của lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được xây dựng theo đúng quy định của Nghị định số 38, Thông tư liên tịch số 02; chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố không ngừng được nâng lên, thể hiện được vai trò quan trọng trong công tác giữ gìn ANTT địa phương.

4.2. Khó khăn, hạn chế

Phần lớn huyện, thành phố không đảm bảo nguồn ngân sách bổ sung để chi trả phụ cấp cho lực lượng Bảo vệ dân phố; nhiều đồng chí Bảo vệ dân phố nghỉ việc. Tính từ năm 2018 đến ngày 31/3/2020 lực lượng Bảo vệ dân phố giảm 132 đồng chí (từ 595 xuống còn 463 đồng chí).

Những khó khăn trên xuất phát từ quy định về nguồn chi trả phụ cấp cho Bảo vệ dân phố tại khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 09, cụ thể:

- Nguồn ngân sách huyện, thành phố bổ sung để chi trả phụ cấp cho lực lượng Bảo vệ dân phố không thống nhất (nơi có, nơi không), do không có quy định, hướng dẫn cụ thể;

- Nguồn quỹ quốc phòng, an ninh vận động thu trong năm 2018 nhìn chung không ổn định, không đảm bảo chi trả phụ cấp; đến ngày 01/01/2019, Nghị quyết số 14/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh về chủ trương huy động thành lập quỹ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực, nên nguồn quỹ quốc phòng, an ninh cũng không còn;

- Nguồn đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật qua theo dõi, các địa phương chưa huy động được.

5. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo vệ dân phố

HĐND, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo, phân bổ nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh để chi trả phụ cấp cho lực lượng Bảo vệ dân phố, để vừa đảm bảo một phần chế độ, chính sách, vừa đảm bảo nguồn quỹ an ninh, trật tự phục vụ cho hoạt động tuần tra, canh gác của lực lượng Bảo vệ dân phố.

HĐND, UBND huyện, thành phố Cà Mau (có lực lượng Bảo vệ dân phố) tiếp tục quan tâm, bổ sung ngân sách để đảm bảo nguồn kinh phí chi trả phụ cấp cho lực lượng Bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 09.

UBND xã, phường, thị trấn (có lực lượng Bảo vệ dân phố) quan tâm thực hiện tốt các chế độ chính sách, đảm bảo kinh phí hoạt động, trang bị công cụ, phương tiện cho lực lượng Bảo vệ dân phố, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới.

Công an tỉnh báo cáo Đoàn giám sát của Ban Pháp chế HĐND tỉnh năm. / *lyh*

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát của Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Đ/c Giám đốc CAT;
- Các Đ/c Phó Giám đốc CAT;
- Lưu: VT, PV05 (Đ1).



Đại tá Đỗ Chí Công

D/c ⁷ ~~600~~ CAT 0915-7.36. x-p 8

Cà Mau, ngày 06 tháng 4 năm 2020

DANH SÁCH BẢO VỆ DÂN PHỐ
(tính đến 31/3/2020)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ; khóm, ấp, xã, phường, TT Công tác	Trình độ			Tháng, năm tham gia	Đảng viên	Đoàn viên
		Nam	Nữ		Văn hóa	Chính trị; chuyên môn	Tập huấn, nghệ vụ			
I. THÀNH PHỐ CÀ MAU (303 đ/c; trong đó: có 20 đảng viên, đã tập huấn nghiệp vụ 206 đ/c)										
PHƯỜNG 1										
1.	Phạm Kha Lam	1974		Trưởng Ban	12/12		x	1997	x	
2.	Lưu Hoàng Khang	1992		Phó Ban	12/12			5/2019		
3.	Kiều Trung Thành	1959		Tổ Trưởng K1	12/12		x	2010		
4.	Nguyễn Văn Hùng	1948		Tổ viên K1	11/12		x	2011		
5.	Lý Hoàng Giang	1984		Tổ viên K1	2/12		x	2010		
6.	Quách Tiến Hải	1971		Tổ viên K1	9/12		x	2006		
7.	Thạch Sơn	1951		Tổ Trưởng K2	6/12			2006		
8.	Nguyễn Bá Lộc	1973		Tổ Phó K2	6/12		x	2010	x	
9.	Trần Văn Hận	1952		Tổ viên K2	12/12			5/2019		
10.	Bùi Văn Thanh	1972		Tổ viên K2	7/12		x	2010		
11.	Dương Ngọc Sanh	1972		Tổ viên K2	2/12		x	2015		
12.	Lê Văn Nho	1969		Tổ viên K2	7/12		x	2011		
13.	Nguyễn Minh Thi	1987		Tổ Trưởng K3	12/12		x	2015		
14.	Phạm Văn Hà	1965		Tổ viên K3	6/12		x	2013		
15.	Lê Phú	1973		Tổ viên K3	6/12		x	2015		

16.	Mạnh Chí Hùng	1973		Tổ Trưởng K4	9/12		x	1995		
17.	Nguyễn Văn Buôi	1963		Tổ viên K4	2/12		x	2010		
18.	Phan Ngọc Thanh	1981		Tổ viên K4	9/12		x	2015		
19.	Phuong Trung Hiếu	1967		Tổ viên K4	12/12		x	1993		
20.	Nguyễn Văn Cường	1969		Tổ Trưởng K5	10/12		x	2005		
21.	Ngô Thanh Hồng	1972		Tổ phó	12/12			2018		
22.	Trần Văn Niều	1968		Tổ viên K5	10/12		x	2012		
23.	Nguyễn Minh Hiếu	1987		Tổ viên K5	8/12		x	2016		
24.	Dương Kim Bình	1962		Tổ viên K5	6/12			01/2018		
25.	Trần Thanh Hải	1964		Tổ Trưởng K6	11/12		x	2011		
26.	Nguyễn Trường Toàn	1977		Tổ Phó K6	12/12		x	2015		
27.	Phạm Chí Linh	1993		Tổ viên K6	9/12		x	2012		
28.	Võ Chi Lăng	1968		Tổ viên K6	9/12		x	2016		
PHƯỜNG 2										
29.	Trần Trường Nhiên	1989		Trưởng ban	12/12			12/2018		
30.	Lê Thành Nhân	1970		Phó Ban	10/12		x	2010		
31.	Lê Bửu Hoàng	1982		Tổ viên K1	10/12		x	2011	x	
32.	Nguyễn Trường Thọ	1991		Tổ viên K1	6/12		x	2013		
33.	Trần Quốc Dũng	1960		Tổ Trưởng K2	9/12		x	2015		
34.	Phan Thanh Tuấn	1992		Tổ viên K2	12/12		x	2013		
35.	Tô Bình Xuôi	1971		Tổ Trưởng K3	9/12		x	2012		
36.	Phan Văn Dũng	1963		Tổ Phó K3	12/12		x	2015		
37.	Nguyễn Văn Kiệt	1998		Tổ viên K5	12/12			12/2018		
38.	Tô Bửu Duy	2001		Tổ viên K5	12/12			8/2019		
39.	Nguyễn Văn Lâm	1954		Tổ viên K6	10/12		x	2013		
40.	Huỳnh Quốc Khánh	1995		Tổ viên K6	12/12			12/2018		
41.	Nguyễn Văn Trung	1963		Tổ Trưởng K7	5/12		x	2014		
42.	Huỳnh Minh Tuấn	1993		Tổ Phó K7	8/12		x	2013	x	
PHƯỜNG 4										
43.	Lý Quang Lộc	1997		Trưởng ban	10/12			12/2018		
44.	Nguyễn Trọng	1981		Phó Ban	12/12		x	2015	x	

	Nguyễn									
45.	Lữ Bá Huynh	1988		Tổ Trưởng K1	12/12		x	2016		
46.	Tô Hén	1972		Tổ Phó K1	6/12		x	2014		
47.	Vương Hoàng Mẫn	1984		Tổ viên K1	9/12		x	2016		
48.	Nguyễn Huỳnh Ngọc Quân	1995		Tổ viên K1	12/12		x	2013		x
49.	Trần Lưu Chí Công	1988		Tổ viên K1	9/12		x	2013		
50.	Nguyễn Thanh Quy	1992		Tổ viên K1	12/12			10/2017		
51.	Phạm Chí An	1979		Tổ Trưởng K2	7/12		x	2010		
52.	Hồng Thanh Tuấn	1997		Tổ viên K2						
53.	Lương Tâm Anh	1978		Tổ viên K2	9/12		x	2010		
54.	Phạm Việt Tân	1991		Tổ trưởng K3	12/12			10/2019		
55.	Sâm Hồng Ngọc	1988		Tổ phó K3	12/12			10/2019		
56.	Lâm Minh Phước	1975		Tổ viên K3	5/12		x	2015		
57.	Lý Tiến Đạt	2000		Tổ viên K3	12/12			8/2019		
58.	Lê Quang Bảy	1955		Tổ viên K3	4/12		x	2017		
59.	Trần Minh Sang	1994		Tổ viên K3	12/12		x	2016		
60.	Võ Trọng Hiếu	1980		Tổ viên K3	7/12			11/2017		
61.	Phạm Thái Linh	1977		Tổ Trưởng K4	12/12			25/7/2018		
62.	Biện Văn Khả	1987		Tổ viên K4	7/12		x	2010		
63.	Huỳnh Văn Bắc	1974		Tổ viên K4	5/12		x	2016		
64.	Nguyễn Văn Việt	1981		Tổ viên K4	6/12		x	2016		
65.	Phạm Minh Thành	1978		Tổ viên K4	10/12			11/2017		
66.	Mạc Trung Nguyên	1987		Tổ Trưởng K5	12/12		x	2014		
67.	Ngô Văn Bé	1963		Tổ viên K5	6/12		x	2011		
68.	Phan Thanh Vũ Linh	1980		Tổ viên K5	12/12			8/2019		
PHƯỜNG 5										
69.	Huỳnh Văn Lộng	1980		Trưởng Ban	12/12		x	2007		x
70.	La Minh Thùy	1990		Phó Ban	12/12			2012		
71.	Huỳnh Ngọc Luân	1976		Tổ Phó K1	12/12		x	2014		
72.	Trương Quốc Xuyên	1994		Tổ viên K1	12/12			5/2017		

73.	Trần Huỳnh Đức	1998		Tổ viên K1	12/12			4/2019		
74.	Hồ Chí Dũng	1953		Tổ Trưởng K2	9/12		x	2010		
75.	Từ Văn Minh	1963		Tổ viên K2	6/12			2013		
76.	Nguyễn Văn Lợi	1963		Tổ viên K2	9/12		x	2014		
77.	Nguyễn Văn Tân	1954		Tổ Trưởng K3	8/12		x	2007	x	
78.	Ông Văn Bé	1961		Tổ Phó K3	5/12		x	1994		
79.	Nguyễn Minh Sang			Tổ viên K3	12/12			5/2019		
80.	Thái Văn Ly	1998		Tổ viên K3	12/12			02/2019		
81.	Trương Hữu Ngạn	1995		Tổ viên K3	12/12		x	2016		
82.	Võ Thành Tân	1959		Tổ Phó K4	12/12		x	1995		
83.	Mai Hoàng Trọng			Tổ viên K4	12/12			5/2019		
84.	Nguyễn Sáu Út	1964		Tổ viên K4	6/12		x	1993		
85.	Trần Thanh Tân	1961		Tổ viên K4	10/12			10/2016		
86.	Hồ Nhật Hào	2001		Tổ viên K4	10/12			3/2019		
87.	Văn Hồng Phương	1961		Tổ phó K5	7/12		x	2010		
88.	Phạm Văn Chia	1970		Tổ viên K5	12/12			5/2019		
89.	Mai Văn Toàn	1991		Tổ viên K5	12/12			5/2019		
90.	Trương Văn Minh	1988		Tổ viên K5	5/12		x	2007		
91.	Dương Đại Nghĩa	1984		Tổ viên K5	12/12		x	2017		
92.	Nguyễn Thành Giàu	1975		Tổ viên K5	9/12			12/2018		
93.	Lê Văn Vàng	1983		Tổ viên K5	12/12		x	202		
94.	Huỳnh Hoàng Vũ	1976		Tổ Trưởng K6	6/12		x	1998		
95.	Trương Phước Lợi	1989		Tổ Phó K6	12/12		x	2005		
96.	Võ Hoàng Quốc Việt	1992		Tổ viên K6	12/12		x	10/2018		
97.	Đặng Văn Quang	1975		Tổ viên K6	12/12			10/2018		
98.	Đặng Đàm Dơi	1988		Tổ viên K6	12/12		x	2013		
99.	Phạm Ngân Linh	1965		Tổ viên K6	12/12			12/2018		
100.	Lâm Văn Kết	1970		Tổ Phó K7	9/12		x	2009		
101.	Phạm Văn Trọng	1977		Tổ viên K7	12/12			5/2019		
102.	Nguyễn Văn Thanh	1971		Tổ viên K7	12/12			01/2017		
103.	Bùi Văn Chát	1966		Tổ viên K7	10/12		x	2016		

104.	Trần Văn Huynh	2001		Tổ viên K7	10/12			4/2019		
105.	Lê Phi Vụ	1992		Tổ viên K7	12/12			01/2019		
106.	Đặng Tông Hải	1967		Tổ Trưởng K8	9/12		x	2003		
107.	Trần Văn Ut	1972		Tổ phó K8	12/12			5/2019		
108.	Lê Bạch Đăng	1957		Tổ viên K8	12/12			2008		
109.	Phạm Trung Hiếu	1991		Tổ viên K8	12/12		x	2015		
110.	Nguyễn Đăng Khoa	1986		Tổ viên K8	12/12		x	2015		
111.	Trần Công Bình	1973		Tổ viên K8	6/12		x	2002		
112.	La Minh Tân	1991		Tổ viên K8	12/12		x	05/2017		
113.	Hồ Duy Hải	1995		Tổ viên K8	12/12		x	8/2017		
114.	Nguyễn Duy Tân	1995		Tổ viên K8	12/12			10/2019		
PHÒNG 6										
115.	Bùi Chí Tâm	1985		Trưởng ban	10/12			2019		
116.	Nguyễn Văn Bình	1951		Phó ban	9/12			2011		
117.	Nguyễn Việt Tiến	1967		Phó ban	10/12			2003		
118.	Nguyễn Văn Nhí	1995		Ủy Viên	8/12		x	2017		
119.	Nguyễn Duy Khánh	1989		Ủy Viên	12/12		x	2017		
120.	Trần Trường Hận	1978		Tổ viên K1	6/12		x	1998		
121.	Vũ Tiên Minh	1983		Tổ viên K1	6/12		x	2013		
122.	Lê Văn Ngọc	1972		Tổ viên K1	9/12		x	2016		
123.	Nguyễn Mạnh Hùng	1967		Tổ Trưởng K2	8/12		x	1986		
124.	Nguyễn Văn Hải	1960		Tổ phó K2	5/12			2016		
125.	Huỳnh Trường Tiên	1997		Tổ phó K3	12/12		x	2019		
126.	Nguyễn Minh Ngọc	1965		Tổ viên K3	7/12		x	2014		
127.	Huỳnh Ngọc Tùng	1968		Tổ viên K3	6/12		x	2019		
128.	Nguyễn Sang Việt	1964		Tổ viên K3	5/12		x	2006		
129.	Nguyễn Hồng Châu	1955		Tổ Trưởng K4	11/12		x	2012		
130.	Thiều Xuân Đường	1965		Tổ viên K4	10/12		x	2019		
131.	Đào Duy Giám	1958		Tổ viên K4	9/12		x	2018		
132.	Trần Quốc Việt	1955		Tổ Phó K4	9/12		x	2013		x

133.	Dương Văn Muôn	1964		Tổ Phó K5	9/12		x	2015		
134.	Thái Văn Hải	1955		Tổ viên K5	5/12		x	2010		
135.	Nguyễn Phú Diên	1961		Tổ Trưởng K6	9/12		x	2010		
136.	Nguyễn Văn Muôn	1952		Tổ Phó K6	6/12		x	2010		
137.	Trần Văn Hội	1963		Tổ viên K6	6/12		x	2010		
138.	Trần Văn Kỳ	1966		Tổ viên K6	11/12		x	2010		
139.	Huỳnh Văn Sơn	1968		Tổ Trưởng K7	11/12		x	2005	x	
140.	Huỳnh Thanh Hùng	1957		Tổ Phó K7	10/12		x	2004		
141.	Nguyễn Ngọc Mến	1968		Tổ viên K7	9/12		x	2005		
142.	Đặng Văn Tiêm	1960		Tổ viên K7	10/12		x	2004		
143.	Võ Văn Hân	1970		Tổ viên K7	10/12		x	2005		
144.	Dương Công Danh	1970		Tổ viên K7	6/12		x	2014		
145.	Đỗ Vũ Phong	1981		Tổ Phó K8	12/12		x	2016	x	
146.	Trịnh Chí Tâm	1986		Tổ viên K8	10/12		x	2013		
147.	Huỳnh Trung Hiếu	1992		Tổ viên K8	10/12		x	2014		
148.	Tô Chí Toại	1982		Tổ Phó K9	12/12		x	2012		
149.	Âu Thanh Vũ	1962		Tổ viên K9	8/12		x	2013		
150.	Huỳnh Phương Đông	1972		Tổ viên K9	12/12		x	2016		
151.	Ngô Hồ Hoàng Phước Thanh Phương	1977		Tổ viên K9	6/12			2020		
152.	Lâm Quốc Phương	1979		Tổ Trưởng K10	9/12		x	2016	x	
153.	Dương Văn Sêl	1969		Tổ viên K10	6/12		x	2008		
154.	Bùi Văn Tính	1983		Tổ viên K10	9/12		x	2019		
PHƯƠNG 7										
155.	Trương Thế Vinh	1989		Trưởng ban	12/12			02/2019	x	
156.	Trương Minh Phong	1990		Phó ban	12/12			02/2019		
157.	Phan Thanh Ngời	1991		Phó Ban	12/12		x	2016		
158.	Nguyễn Văn Tuy	1954		Tổ Trưởng K1	5/12		x	1995		
159.	Trần Quốc Hùng	1977		Tổ Phó K1	5/12		x	2000		
160.	Châu Lợi	1967		Tổ viên K1	5/12		x	2012		
161.	Nguyễn Văn Hồ	1988		Tổ viên k1	9/12			02/2019	x	

162.	Trần Hoài Linh	1998		Tổ viên K1	12/12			4/2019		
163.	Nông Văn Nam	1966		Tổ Trưởng K2	8/12		x	2014		
164.	Trần Bửu An	1963		Tổ Phó K2	7/12		x	2015		
165.	Lê Minh Chiêu	1966		Tổ viên K2	9/12		x	02/2019		
166.	Lê Thành Hiệp	1969		Tổ viên K2	5/12		x	2016		
167.	Trương Tiểu Điền	1998		Tổ viên K2				4/2018		
168.	Trần Hoàng Vĩnh	1972		Tổ Trưởng K3	6/12		x	2015		
169.	Đặng Kiều Đô	1978		Tổ Phó K3	8/12		x	2008		
170.	Phạm Tấn Huy	1982		Tổ viên K3			x	2008		
171.	Quách Tuấn Khanh	1965		Tổ viên K3	9/12		x	2008		
172.	Tạ Thanh Tươi	1974		Tổ viên K3	4/12		x	2008		
173.	Lâm Trung Hậu	1982		Tổ Phó K4	7/12		x	2017		
174.	Nguyễn Văn Tạo	1960		Tổ viên K4				4/2018		
175.	Lưu Khánh Huy	1957		Tổ viên K4	8/12			01/2020		
176.	Phạm Thanh Sơn	1979		Tổ viên K4	7/12			01/2020		
177.	Phan Văn Lý	1958		Tổ viên K4	9/12			01/2019		
178.	Nguyễn Văn Hiệp	1950		Tổ Trưởng K5	6/12		x	1995		
179.	Kiều Văn Phước	1955		Tổ Phó K5	8/12		x	1995		
180.	Mã Ngọc An	1962		Tổ viên K5	3/12		x	2000		
181.	Nguyễn Duy Phương	1981		Tổ Trưởng K6	9/12		x	2000	x	
182.	Lưu Đăng Sơn	1970		Tổ Phó K6	9/12			2001		
183.	Nguyễn Văn Thông	1966		Tổ viên K6	7/12			2012		
184.	Lê Công Danh	1995		Tổ viên K6	12/12			2013		
185.	Hồ Phát Đạt	1991		Tổ trưởng K7				4/2018		
186.	Lê Văn Dũng	1970		Tổ Phó K7	10/12			2000		
187.	Lương Duy Bình	1971		Tổ viên K7	8/12			1999		
188.	Phạm Văn Cường	1977		Tổ viên K7	6/12			2015		
189.	Nguyễn Quốc Đệ	1999		Tổ viên K7	6/12			2017		
190.	Nguyễn Quốc Huynh	1999		Tổ viên K7	6/12			2017		
191.	Nguyễn Văn Thuận	1984		Tổ Trưởng K8	9/12			2003		
192.	Lê Hưng	1971		Tổ viên K8	6/12			2011		

193.	Nguyễn Hồng Thái	1987		Tô viên K8	8/12			2008		
194.	Lê Minh Phụng	1983		Tổ viên K8	12/12		x	2019		
PHƯỜNG 8										
195.	Dương Phương Đông	1961		Trưởng ban	12/12		x	2017		
196.	Nguyễn Tấn Thừa	1987		Phó ban	12/12		x	2006		
197.	Lê Đức Tuấn			Phó ban	10/12		x	2000		
198.	Trần Phúc Hậu	1988		Tổ Trưởng K1	12/12		x	2014	x	
199.	Lê Chí Đức	1992		Tổ phó K1	12/12			11/2017		
200.	Trần Văn Sâm	1986		Tô viên K1	10/12		x	2015		
201.	Nguyễn Hồng Lũy	1969		Tô viên K1	9/12		x	2016		
202.	Lê Văn Nghĩa	1960		Tô viên K1	9/12			1999		
203.	Nguyễn Văn Lịnh	1983		Tô viên K1	9/12			9/2019		
204.	Trần Thanh Tùng	1973		Tổ Trưởng K2	4/12		x	2012		
205.	Huỳnh Trọng Hữu			Tô viên K2				8/2019		
206.	Phan Văn Huội	1974		Tô viên K2	8/12		x	2013		
207.	Nguyễn Văn Phúc	1977		Tô viên K2	10/12		x	2011		
208.	Nguyễn Văn Bảy	1967		Tổ Trưởng K3			x	2016		
209.	Mã Văn Cháp	1967		Tổ Phó K3	9/12		x	2005		
210.	Nguyễn Thanh Sang	1968		Tô viên K3			x	2016		
211.	Nguyễn Hồng Hoa	1958		Tô viên K3				2016		
212.	Dương Hữu Phụng	1975		Tổ Trưởng K4	10/12		x	2014		
213.	Võ Văn Tạo	1960		Tô viên K4	8/12		x	1990		
214.	Lê Quốc Hùng	1967		Tô viên K4	9/12		x	2011		
215.	Ngô Văn Tùng	1972		Tổ Trưởng K5	6/12		x	2001		
216.	Nguyễn Hoàng Phương	1985		Tổ Phó K5	12/12		x	2014		
217.	Lê Văn Hải	1965		Tổ Trưởng K6	9/12		x	2011		
218.	Võ Văn Tư	1965		Tô viên K6	7/12		x	2004	x	
219.	Châu Hoàng Trung	1981		Tổ phó K6				2017		
220.	Huỳnh Văn Tèo	1954		Tô viên K7	7/12		x	2003		
221.	Nguyễn Văn Thiện	1974		Tô viên K7	5/12		x	1996		

222.	Lâm Văn Tư	1952		Tổ viên K7	9/12		x	1996		
223.	La Thanh Hải	1967		Tổ viên K7	7/12		x	2019		
224.	Trần Văn Hai	1953		Tổ Trưởng K8	4/12		x	2007		
225.	Sơn Tài	1973		Tổ viên K8	6/12		x	2007		
226.	Trần Văn Em	1971		Tổ viên K8	5/12		x	2014		
227.	Nguyễn Văn Cường	1980		Tổ viên K8	8/12		x	2012		
228.	Lê Quốc Việt	1978		Tổ viên K8				2017		
PHƯỜNG 9										
229.	Mai Văn Thiệt	1960		Trưởng Ban	12/12		x	1993	x	
230.	Hà Văn Ngoan	1988		Phó Ban P9	12/12			01/2019		
231.	Trương Thành Khánh	1991		Phó Ban P9	12/12			01/2019		
232.	Đặng Văn Trọng	1956		Tổ Trưởng K1	12/12		x	2008	x	
233.	Mã Khánh Duy	1968		Tổ viên K1	12/12		x	2015		
234.	Quách Chí Đại	1998		Tổ viên K1	12/12			01/2019		
235.	Phạm Trung Nhân	1999		Tổ viên K2	10/12		x	5/2017		
236.	Nguyễn Hoàng Bửu	1994		Tổ viên K3	7/12		x	2013		
237.	Trần Đức Kiểm	1964		Tổ Trưởng K4	9/12		x	2000		
238.	Lê Thiện Thắng	1968		Tổ Phó K4	6/12		x	1995		
239.	Đỗ Lê Đil	1995		Tổ viên K4	12/12			01/2019		
240.	Hồ Hoài Nam	1990		Tổ viên K4	12/12			01/2019		
241.	Lê Văn Việt	1968		Tổ Trưởng K5	7/12		x	2006		
242.	Trần Hoàng Nam	1975		Tổ Phó K5	4/12		x	2012		
243.	Đặng Hoàng Hưng	1988		Tổ viên K5	10/12			11/2019		
244.	Võ Hoàng Chiến	1972		Tổ Trưởng K6	9/12		x	2002		
245.	Liêng Hoàng Thái	1960		Tổ Phó K6	8/12		x	2008		
246.	Lê Hoàng Lộc	1969		Tổ viên K6	8/12		x	2004		
247.	Nguyễn Văn Kịch	1967		Tổ viên K6	6/12		x	1997		
PHƯỜNG TÂN XUYỀN										
248.	Nguyễn Chí Linh	1975		Trưởng Ban	10/12		x	2010		
249.	Lê Văn Hạ	1990		Phó Ban	12/12			10/2017	x	
250.	Phạm Văn Phú	1971		Phó Ban	10/12			10/2009		

251.	Phạm Văn Việt	1960		Tổ Trưởng K1	12/12		x	2013	x	
252.	Lâm Văn Quốc	1966		Tổ phó K1	9/12		x	2011		
253.	Nguyễn Văn Khởi	1969		Tổ viên K1	12/12		x	2013		
254.	Đặng Minh Trung	1980		Tổ viên K1	9/12		x	2015		
255.	Nguyễn Minh Trung	1980		Tổ trưởng K2	12/12		x	7/2013		
256.	Huỳnh Văn Thi	1968		Tổ viên K2	5/12		x	2009		
257.	Trần hoàng Linh	1987		Tổ viên K2	9/12		x	2012		
258.	Trần Văn Tùng	1955		Tổ viên K2	5/12		x	2009		
259.	Dương Văn Chiến	1964		Tổ viên K2	5/12		x	2010		
260.	Đoàn Phúc Hậu	1990		Tổ viên K2	12/12		x	12/2018		
261.	Hồ Sáng Tỏa	1962		Tổ Trưởng K3	9/12		x	2016		
262.	Thái Văn Vĩnh	1986		Tổ phó K3	12/12			10/2018		
263.	Trần Văn Sự	1988		Tổ viên K3	5/12			12/2017		
264.	Trần Văn Cảnh	1976		Tổ viên K3	5/12			10/2018		
265.	Trương Thành Nhân	1987		Tổ viên K3	10/12		x	2011		
266.	Huỳnh Tấn Dương	1960		Tổ Trưởng K4	6/12		x	2015		
267.	Bùi Tấn Hiệp	1953		Tổ Phó K4	7/12		x	2010		
268.	Lê Kiên Thiết	1956		Tổ viên K4	5/12		x	2010		
269.	Châu Minh Lợi	1964		Tổ viên K4	9/12			10/2017		
270.	Nguyễn Văn Lâm	1992		Tổ trưởng K5	12/12		x			
271.	Lê Văn Bất	1972		Tổ phó K5	8/12		x	2013		
272.	Lương Văn Khôn	1978		Tổ viên K5	9/12		x	2014		x
273.	Huỳnh Văn Tiến	1967		Tổ viên K5	7/12		x	2013		
274.	Phan Văn Giùm	1985		Tổ viên K5	8/12		x	2015		
275.	Võ Văn Ngọ	1989		Tổ viên K5	12/12			5/2019		
276.	Nguyễn Văn Diện	1993		Tổ viên K5	12/12			5/2019		
PHƯỜNG TÂN THÀNH										
277.	Hồ Văn Hồng	1965		Trưởng Ban	9/12		x	2009		
278.	Cao Thành Tâm	1972		Phó Ban	11/12		x	2012		
279.	Nguyễn Văn Văn	1991		Phó Ban	11/12		x	2019		
280.	Nguyễn Quốc Huôi	1974		Ủy viên	9/12			9/2018		

281.	Nguyễn Văn Cặng	1968		Ủy Viên	6/12		x	2011		
282.	Tô Chí Cường	1998		Ủy viên	12/12		x	01/2018		
283.	Lê Văn Thanh	1961		TỔ Phó K1	9/12		x	02/2018		
284.	Phạm Hữu Nghĩa	1976		TỔ viên K1	9/12		x	02/2018		
285.	Phan Văn Hiệp	1964		TỔ phó K3	9/12			02/2018		
286.	Huỳnh Bá Hương	1956		TỔ viên K2	9/12		x	02/2018		
287.	Trần Quốc Toàn	1975		TỔ phó K3	12/12			02/2018		
288.	Phạm Văn Hiệp	1964		TỔ viên K3	9/12			9/2018		
289.	Huỳnh Minh Hiền	1959		TỔ viên K4	12/12		x	2015		
290.	Nguyễn Văn Dũng	1957		TỔ viên K4	5/12			11/2019		
291.	Nguyễn Việt Hùng	1975		TỔ Trưởng K5	9/12		x	2010		
292.	Phan Văn Chiêu	197		TỔ viên K5	6/12		x	2012		
293.	Trần Văn Tâm	1964		TỔ Trưởng K6	6/12		x	2014		
294.	Trần Tấn Lực	197		TỔ viên K6	6/12		x	2014		
XÃ TẮC VẠN										
295.	Châu Chí Thông	1981		Trưởng Ban	12/12		x	205		
296.	Nguyễn Văn Chuyên	1969		Phó ban	7/12			12/2019		
297.	Huỳnh Văn Ngọc	1962		TỔ Phó Ấp 1	6/12		x	2003		
298.	Phan Văn Luận	1962		TỔ viên Ấp 1	5/12			12/2019		
299.	Nguyễn Duy Linh	1981		TỔ Phó Ấp 2	4/12		x	2010		
300.	Nguyễn Văn Hiếu	1965		TỔ viên Ấp 2	6/12			2018		
301.	Nguyễn Quốc Thắng	1958		TỔ Phó Ấp 3	5/12		x	2013		
302.	Nguyễn Văn Tô	1985		TỔ viên Ấp 3	6/12			2018		
303.	Trần Văn Phúc	1966		TỔ viên ấp 4	5/12			2018		
II. THI TRẦN NĂM CĂN (55 đ/c; đã tập huấn nghiệp vụ 41 đ/c)										
304.	Nguyễn Hữu Hùng	1972		Trưởng ban	12/12		x	2004		
305.	Lê Minh Thuận	1976		Phó ban	9/12		x	2011		
306.	Phan Duy Khánh	1991		Ủy viên	9/12		x	2017		
307.	Lâm Văn Giang	1984		Ủy viên	9/12		x	2010		
308.	Lý Sơn	1966		TỔ trưởng K1	10/12		x	2015		
309.	Dương Văn Tàu	1957		TỔ phó K1	8/12			2008		

310.	Nguyễn Nhật Huỳnh	1973		Tổ viên K1	10/12			2017		
311.	Nguyễn Văn Hiệp	1959		Tổ viên K1	7/12			2016		
312.	Lê Văn Hải	1969		Tổ viên K1	10/12			2017		
313.	Trần Hữu Lam	1962		Tổ trưởng K2	12/12		x	2015		
314.	Lê Văn Duẩn	1956		Tổ phó K2	10/12		x	2015		
315.	Trần Minh Đức	1963		Tổ viên K2	9/12		x	2016		
316.	Phạm Minh Triều	1972		Tổ viên K2	9/12			2017		
317.	Nguyễn Thanh Hùng	1957		Tổ trưởng K3	12/12		x	2015		
318.	Đặng Phát Tài	1993		Tổ phó K3	12/12		x	2016		
319.	Nguyễn Văn Ngon	1993		Tổ viên K3	9/12		x	2017		
320.	Lê Văn Út	1991		Tổ viên K3	12/12		x	2017		
321.	Châu Văn Thắng	1963		Tổ trưởng K4	9/12		x	2015		
322.	Lê Văn Cao	1960		Tổ Phó K4	9/12		x	2014		
323.	Trương Chí Tâm	1968		Tổ viên K4	9/12			2014		
324.	Lê Minh Châu	1966		Tổ viên K4	7/12		x	2014		
325.	Phạm Văn Lâm	1965		Tổ trưởng K5	9/12		x	2014		
326.	Lê Trung Tấn	1969		Tổ Phó K5	8/12		x	2016		
327.	Lý Hoạch	1971		Tổ viên K5	7/12		x	2015		
328.	Kim Thanh	1966		Tổ viên K5	7/12		x	2017		
329.	Trần Quốc Kiệt	1968		Tổ trưởng K6	12/12		x	2011		
330.	Nguyễn Văn Tài	1969		Tổ phó K6	9/12		x	2011		
331.	Trần Trường Sơn	1964		Tổ viên K6	9/12			2019		
332.	Nguyễn Văn Kiệt	1965		Tổ viên K6	10/12		x	2015		
333.	Nguyễn Văn Miên	1982		Tổ trưởng K7	10/12			2019		
334.	Đỗ Chí Cân	1963		Tổ phó K7	12/12			2019		
335.	Võ Thành Nhân	1978		Tổ viên K7	10/12			2019		
336.	Nhan Hòa Nghĩa	1997		Tổ viên K7	11/12			2019		
337.	Lê Văn Lý	1969		Tổ trưởng K8	9/12			2016		
338.	Trương Minh Liệt	1958		Tổ phó K8	11/12		x	2017		

339.	Trần Văn Sư	1974		Tổ viên K8	9/12		x	2015		
340.	Phạm Văn Dàng	1977		Tổ trưởng K9	12/12		x	2016		
341.	Nguyễn Văn Sơn	1960		Tổ phó K9	12/12		x	2017		
342.	Huỳnh Hoàng Vũ	1979		Tổ viên K9	10/12		x	2017		
343.	Nguyễn Sơn Hà	1988		Tổ viên K9	10/12		x	2017		
344.	Lê Hòa Tâm	1952		Tổ trưởng Khóm Cái Nai	9/12		x	2014		
345.	Nguyễn Văn Thống	1986		Tổ phó Khóm Cái Nai	8/12		x	2017		
346.	Tô Quốc Diệp	1970		Tổ viên Khóm Cái Nai	12/12		x	2016		
347.	Nguyễn Song Như	1955		Tổ viên Khóm Cái Nai	7/12		x	2016		
348.	Bùi Huỳnh Quang	1972		Tổ trưởng Khóm Hàng Vịnh	10/12		x	2015		
349.	Nguyễn Văn Vàng	1976		Tổ phó Khóm Hàng Vịnh	9/12		x	2015		
350.	Hồng Ngọc Thanh	1966		Tổ viên Khóm Hàng Vịnh	9/12		x	2019		
351.	Ngô Trọng Nghĩa	1999		Tổ viên Khóm Hàng Vịnh	9/12			2018		
352.	Nguyễn Văn Sĩ	1960		Tổ trưởng Khóm Sapho	9/12		x	2015		
353.	Lê Văn Giọng	1986		Tổ viên Khóm Sapho	12/12		x	2017		
354.	Trần Thanh Liêm	1964		Tổ viên Khóm Sapho	12/12		x	2017		
355.	Trần A Đal	1989		Tổ trưởng Khóm Tác Năm Căn	12/12		x	3/2020		
356.	Huỳnh Thanh Tuấn	1968		Tổ phó Khóm	8/12			2017		

				Tắc Năm Căn						
357.	Trần Văn Thừa	1990		Tổ viên Khóm Tắc Năm Căn	10/12		x	3/2020		
358.	Nguyễn Minh Văn	1993		Tổ viên Khóm Tắc Năm Căn	10/12		x	2017		
III. THI TRẦN SÔNG ĐỐC (có 59 đ/c; có 3 đảng viên; đã tập huấn nghiệp vụ 33đ/c)										
359.	Phạm Chí Nghiệm	1985		Trưởng ban	12/12	ĐH luật	x	05/2008		
360.	Nguyễn Văn Thức	1987		Phó ban	12/12	ĐH		01/2018		
361.	Cao Thanh Tâm	1962		Tổ trưởng K1	06/12		x	4/2007	x	
362.	Nguyễn Văn Bắc	1979		Tổ phó K1	12/12		x	7/2014		x
363.	Nguyễn Quốc Phong	1990		Tổ viên K1	09/12			2/2016		
364.	Trần Văn Bình	1959		Tổ viên K1	09/12		x	3/2014		
365.	Nguyễn Văn Hận	1970		Tổ viên K1	03/12			3/2014		
366.	Nguyễn Vũ Linh	1993		Tổ viên K1	12/12			7/2018		
367.	Nguyễn Văn Hoàng	1963		Tổ trưởng K2	09/12			10/2010		
368.	Nguyễn Văn Hoa	1954		Tổ viên K2	05/12			10/2010		
369.	Trần Văn Tèo	1961		Tổ viên K2	06/12			4/2017		
370.	Thoạch Hoàng	1959		Tổ viên K2	05/12			4/2017		
371.	Võ Nhựt Trường	1983		Tổ trưởng K3	09/12			1/2014	x	
372.	Phạm Phú Bình	1980		Tổ viên K3	06/12			8/2017		
373.	Nguyễn Văn Cường	1968		Tổ viên K3	7/12			3/2020		
374.	Lâm Văn Thiện	1959		Tổ trưởng K4	09/12		x	1/2006		
375.	Đoàn Văn Bé	1964		Tổ phó nhóm 4				3/2020		
376.	Đặng Văn Cẩm	1956		Tổ viên K4	06/12			1/2006		
377.	Phạm Văn Sư	1965		Tổ viên K4	06/12			2010		
378.	Lưu Hoài Niệm	1979		Tổ viên nhóm 4	7/12			3/2020		
379.	Đoàn Thái Chân	1984		Tổ viên nhóm 4	12/12			3/2020		
380.	Lê Hoài Đức	1965		Tổ trưởng K5	10/12		x	1/2006		

381.	Trần Thanh Huân	1967		Tổ viên K5	09/12		x	2010		
382.	Nguyễn Văn Mai	1954		Tổ viên K5	04/12		x	2011		
383.	Huỳnh Văn Cọp	1964		Tổ viên nhóm 5	02/12			3/2020		
384.	Lưu Văn Lắm	1951		Tổ trưởng K6A	5/12			3/2020		
385.	Trần Văn Dạng	1965		Tổ viên K6A	06/12			2011		
386.	Châu Minh Thi	1963		Tổ viên K6A	09/12		x	2013		
387.	Trần Văn Ngọt	1959		Tổ viên K6A	5/12			3/2020		
388.	Tạ Văn Lý	1964		Tổ viên K6A	09/12			3/2020		
389.	Phan Thanh Hùng	1953		Tổ trưởng K6B	05/12		x	4/2015		
390.	Huỳnh Văn Hằng	1953		Tổ viên K6B	05/12		x	2011		
391.	Huỳnh Văn Đây	1958		Tổ viên K6B	09/12		x	2010		
392.	Nguyễn Thái Đạo	1992		Tổ viên K6B	12/12			7/2016		
393.	Nguyễn Ngọc Lợi	1959		Tổ phó K7	06/12		x	2007		
394.	Phạm Tấn Lộc	1980		Tổ viên K7	09/12		x	2009		
395.	Phạm Quốc Chân	1956		Tổ viên K7	09/12			2011		
396.	Phan Minh Đương	1963		Tổ viên K7	12/12			2013	x	
397.	Trần Thanh Ngõi	1976		Tổ viên K7	09/12			2013		
398.	Trần Văn Huân	1957		Tổ trưởng K8	07/12		x	2010		
399.	Nguyễn Văn Hòa	1983		Tổ viên K8	05/12		x	8/2015		
400.	Huỳnh Văn Phước	1959		Tổ viên K8	06/12		x	8/2015		
401.	Phan Văn Phương	1961		Tổ viên K8	06/12		x	8/2015		
402.	Phạm Đình Đông	1960		Tổ trưởng K9	09/12		x	2010		
403.	Bùi Văn Tiên	1968		Tổ viên K9	09/12		x	2010		
404.	Phạm Ngọc Cử	1960		Tổ viên K9	07/12		x	2010		
405.	Trần Văn Tư	1964		Tổ viên K9	07/12		x	2010		
406.	Vũ Mạnh Phú	1972		Tổ trưởng K10	09/12		x	2008		
407.	Nguyễn Văn Phú	1987		Tổ viên K10	11/12		x	1/2016		
408.	Phạm Văn Hân	1978		Tổ viên K10	09/12		x	2012		
409.	Trần Xuân Mạnh	1989		Tổ viên K10	12/12					
410.	Nguyễn Văn Mạnh	1957		Tổ trưởng K11	09/12		x	1/2010		
411.	Phạm Văn Dũng	1968		Tổ viên K11	09/12		x	2011		

412.	Tạ Ngọc Chon	1965	Tổ viên K11	08/12		x	2009	
413.	Ngô Xuân Trịnh	1979	Tổ viên K11	09/12		x	8/2015	x
414.	Lữ Sỹ Đan	1991	Tổ trưởng K12	12/12		x	8/2015	
415.	Đặng Văn Trọng	1969	Tổ viên K12	08/12		x	8/2015	
416.	Trần Thanh Phong	1988	Tổ viên K12	06/12		x	8/2015	
417.	Huỳnh Minh Nhựt	1980	Tổ viên K12	09/12		x	8/2015	
IV. THỊ TRẦN RẠCH GÓC (38 đ/c; trong đó: có 17 đảng viên, đã tập huấn nghiệp vụ 26đ/c)								
418.	Nguyễn Thanh Nhanh	1961	Trưởng ban	9/12				x
419.	Lại Tấn Tài	1968	Phó Ban	12/12		x	10/2019	
420.	Lý Văn Hòa	1862	Phó ban	5/12		x		
421.	Ngô Văn Út	1966	Tổ trưởng K1	9/12		x		x
422.	Nguyễn Văn Nhí	1992	Tổ viên K1	8/12		x		x
423.	Nguyễn Huy Tín	1987	Tổ viên K1	9/12			9/2018	
424.	Lê Quốc Kha	1989	Tổ viên K1	10/12			9/2017	
425.	Phạm Văn Giang	1985	Tổ trưởng K3	9/12		x		
426.	Nguyễn Dương Thanh	1988	Tổ viên K3				12/2018	x
427.	Lưu Văn Sĩ	1970	Tổ phó K3	6/12		x		
428.	Phạm Tấn Nghiệm	1982	Tổ trưởng K4	7/12				x
429.	Nguyễn Văn Dây	1965	Tổ phó K4	6/12		x		
430.	Huỳnh Thanh Nhanh	1974	Tổ viên K4	6/12		x		
431.	Huỳnh Văn Đĩnh	1985	Tổ viên K4	6/12		x		
432.	Lê Văn Num	1976	Tổ trưởng K6	6/12		x		x
433.	Nguyễn Văn Út	1973	Tổ viên K6	7/12		x		x
434.	Lê Khánh Duy	1984	Tổ viên K6	9/12		x		
435.	Huỳnh Văn Thiều	1978	Tổ viên K6	6/12		x		
436.	Đỗ Hồng Khanh	1975	Tổ viên K7	9/12		x		
437.	Mai Văn Dũng	1975	Tổ viên k7				12/2018	

438.	Đào Thanh Bình	1969		Tổ viên k7				12/2018		
439.	Lê Quốc Toán	1978		Tổ trưởng K8	9/12		x		x	
440.	Dương Minh Sang	1985		Tổ viên K8	11/12		x		x	
441.	Lê Hoàng Vũ	1978		Tổ viên K8	9/12			10/2019	x	
442.	Nguyễn Thanh Phong	1979		Tổ viên K8	6/12		x			
443.	Diệp Văn Nguyễn	1972		Tổ viên K8	12/12		x			
444.	Nguyễn Sơn Hà	1964		Tổ trưởng áp Tam Hiệp	6/12		x		x	
445.	Nguyễn Thành Phương	1967		Tổ viên áp Tam Hiệp	6/12				x	
446.	Lê Minh Sang	1994		Tổ viên áp Tam Hiệp	12/12			10/2019	x	
447.	Hà Hoàng Nhanh	1966		Tổ trưởng áp Rạch Gốc B	9/12		x		x	
448.	Nguyễn Trí Thức	1980		Tổ phó áp Rạch Gốc B	9/12		x		x	
449.	Trần Văn Bằng	1982		Tổ viên áp Rạch Gốc B	9/12			3/2020	x	
450.	Nguyễn Hoàng Thân	1952		Tổ trưởng áp Đường Đào	9/12		x		x	
451.	Nguyễn Văn Chuẩn	1972		Tổ viên áp Đường Đào	9/12		x			
452.	Lê Quốc Linh	1986		Tổ viên áp Đường Đào	12/12					
453.	Nguyễn Văn Thêu	1962		Tổ phó áp Kinh Đào	8/12		x		x	
454.	Phan Toại Nguyễn	1981		Tổ viên áp Kinh Đào	7/12		x			
455.	La Phương Đông	1977		Tổ viên áp Kinh Đào	8/12		x			

V. THỊ TRẦN CÁI ĐÔI VÀM (8 đ/c; trong đó: có 03 đảng viên, đã tập huấn nghiệp vụ 3đ/c)									
456.	Nguyễn Văn Vui	1969		Trưởng ban, Tổ trưởng K1, K7	11/12		x	01/2014	x
457.	Nguyễn Hoàng Võ	1968		Ủy viên, Tổ trưởng K2, K3	12/12			11/2019	
458.	Nguyễn Văn Tùng	1965		Ủy viên, Tổ trưởng ấp Cái Đôi Vàm	12/12		x	01/2017	x
459.	Phạm Phi Trường	1963		Tổ viên ấp Cái Đôi Vàm					
460.	Kim Văn Sơn	1972		Ủy viên, Tổ trưởng K5	1/12		x	01/2014	
461.	Lê Văn mạnh	1984		Ủy viên, Tổ trưởng K4					
462.	Phan Minh Thắng	1993		Ủy viên, Tổ trưởng K6, ấp Tân Hải	12/12			11/2019	x
463.	Võ Ru Bi	1989		ấp Thanh Đạm A, B					



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC**

Đại tá Đỗ Chí Công

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Thượng tá Quách Ngọc Thanh